

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2017

(Môn kiến thức chung - thi viết)

Tập trung ôn tập những nội dung theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. Cụ thể các vấn đề sau:

1. TỔNG QUAN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị là một tổ hợp có tính chỉnh thể, bao gồm các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội vận hành theo những nguyên tắc, cơ chế và quan hệ cụ thể nhằm thực thi quyền lực chính trị.

1.2. Cấu trúc hệ thống chính trị nước ta

Hệ thống chính trị nước ta bao gồm:

1.2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng cộng sản là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị nhưng Đảng là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị:

*Vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị:

- Đề ra đường lối, chủ trương và mục đích cho hệ thống chính trị theo đó mà vận hành hoạt động.
- Đảng giữ vai trò là trung tâm nòng cốt cho những bộ phận khác trong hệ thống chính trị, lãnh đạo đối với toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị.

Sự lãnh đạo của Đảng được xác định bằng các phương thức chủ yếu sau:

- Lãnh đạo bằng cương lĩnh, đường lối, chủ trương, thông qua các nghị quyết của TW, nghị quyết của các cấp ủy Đảng ở các ngành, các cấp địa phương.
- Lãnh đạo bằng giáo dục, tuyên truyền vận động, nêu gương của đảng viên
- Lãnh đạo bằng công tác tổ chức và cán bộ, (quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị)
- Bằng công tác kiểm tra, giám sát

1.2.2. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

Bộ máy Nhà nước bao gồm các cơ quan :

- Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

- Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

- Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

- Bộ máy chính quyền các cấp ở địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở cấp tỉnh; cấp huyện; cấp xã.

- Hệ thống cơ quan tư pháp gồm: Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân

*Vai trò của Nhà nước trong hệ thống chính trị:

- Nhà nước quản lý xã hội trước hết bằng pháp luật (thông qua hệ thống văn bản quy phạm pháp luật), bằng hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, cơ sở. Nhà nước thực hiện sự quản lý bằng chính sách, công cụ đôn đốc và các biện pháp, trong đó có biện pháp cưỡng chế để đảm bảo duy trì sự ổn định trật tự xã hội, sự nghiêm minh của kỷ cương pháp nước.

- Nhà nước thực hiện quản lý trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quản lý theo ngành hoặc lãnh thổ, theo cấp vĩ mô hoặc vi mô.

- Mục tiêu của quản lý là nhằm phát huy mọi tiềm năng sáng tạo và quyền làm chủ của nhân dân; đảm bảo cho nhân dân được làm những gì pháp luật không cấm; phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế để phát triển nhanh và mạnh mẽ lực lượng sản xuất.

1.2.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân là nơi thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện giám sát của nhân dân với cán bộ, công chức và giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

*Các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam gồm các tổ chức sau:

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;

- Tổng liên Đoàn Lao động Việt Nam;

- Hội nông dân Việt Nam;

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

*Vai trò của MTTQVN và các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị

MTTQVN và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ đất nước; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của các hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Là nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền dân chủ của nhân dân vào việc xây dựng, củng cố chính quyền (Bầu cử QH, HĐND các cấp); tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước; thực hiện giám sát của nhân dân với cán bộ, công chức và giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

2. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2.1. Bản chất Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam

Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam thể hiện ở tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân.

Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

2.2. Hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam

2.2.1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam

a. Vị trí của Quốc hội

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam.

b. Chức năng của Quốc hội

- Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp
- Làm luật và sửa đổi luật
- Quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội

Quốc hội quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hằng năm của đất nước; chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.

Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân

sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

Quốc hội quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách cơ bản về đối ngoại của Nhà nước.

2.2.2. Chủ tịch nước

- Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

- Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.

- Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

- Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

2.2.3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam

a. Vị trí pháp lý

- Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

- Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

b. Cơ cấu tổ chức, hoạt động của Chính phủ

- Chính phủ gồm có: Các bộ, các cơ quan ngang bộ.

- Trong Chính phủ có : Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

- Chính phủ làm việc theo chế độ kết hợp trách nhiệm của tập thể với việc đề cao quyền hạn và trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng và của mỗi thành viên Chính phủ.

2.2.4. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (Chính quyền địa phương)

Nội dung này chú trọng vào những vấn đề Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định về chính quyền cấp xã.

2. 2.4.1. Hội đồng nhân dân

a. Vị trí, vai trò: Hội đồng nhân dân (HĐND) gồm các đại biểu HĐND do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ

quan nhà nước cấp trên.

b. Chức năng của HĐND:

HĐND có 2 chức năng cơ bản:

- Quyết định những chủ trương và biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương; xây dựng và phát triển địa phương trên các lĩnh vực và không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương.

- Thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của thường trực HĐND, UBND, Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp (HĐND cấp xã không giám sát hoạt động của TAND và VKSND); giám sát việc thực hiện các nghị quyết; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân ở địa phương.

c. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã

- HĐND cấp xã gồm các đại biểu HĐND dân do cử tri bầu ra.

- Thường trực HĐND cấp xã gồm Chủ tịch HĐND, một Phó Chủ tịch HĐND. Phó Chủ tịch HĐND cấp xã là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách.

- HĐND cấp xã có 2 ban: Ban pháp chế, Ban kinh tế - xã hội. Ban của HĐND cấp xã gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban của HĐND cấp xã hoạt động kiêm nhiệm.

2.2.4.2. Ủy ban nhân dân:

a. Vị trí, vai trò của Ủy ban nhân dân (UBND)

UBND do HĐND bầu, là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, HĐND cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

b. Chức năng của UBND

Tổ chức và chỉ đạo việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp. Chỉ đạo điều hành hoạt động quản lý hành chính nhà nước ở địa phương.

c. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an.

2.2.4.3. Hoạt động của HĐND và UBND

a. Hoạt động của Hội đồng nhân dân

- Kỳ họp Hội đồng nhân dân

HĐND họp mỗi năm ít nhất hai kỳ. HĐND họp bất thường khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND yêu cầu. HĐND họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND cùng cấp hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thì HĐND quyết định họp kín.

Cử tri ở xã, phường, thị trấn có quyền làm đơn yêu cầu HĐND xã, phường, thị trấn họp, bàn và quyết định những công việc của xã, phường, thị trấn. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của xã, phường, thị trấn theo danh sách cử tri bầu cử đại biểu HĐND cấp xã tại cuộc bầu cử gần nhất thì Thường trực HĐND cấp xã có trách nhiệm tổ chức kỳ họp HĐND bất thường để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp HĐND bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

- Hoạt động giám sát của HĐND

+ Giám sát tại kỳ họp HĐND (Xem xét các báo cáo, các đề án trình tại kỳ họp HĐND, xem xét trả lời chất vấn)

+ Giám sát của Thường trực HĐND

+ Giám sát của các ban HĐND

+ Giám sát của đại biểu HĐND

b. Hoạt động của Ủy ban nhân dân

Phiên họp Ủy ban nhân dân: UBND họp thường kỳ mỗi tháng một lần. UBND họp bất thường trong các trường hợp: Do Chủ tịch UBND quyết định; Theo yêu cầu của Chủ tịch UBND cấp trên trực tiếp; Theo yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên UBND.

2.2.5. Tòa án nhân dân

a. Chức năng của TAND:

- Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

- Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật; xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình tố tụng; căn cứ vào kết quả tranh tụng ra bản án, quyết định việc có tội hoặc không có tội, áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định về quyền và nghĩa vụ về tài sản, quyền nhân thân.

b. Tổ chức của TAND

Tổ chức Tòa án nhân dân bao gồm:

- Tòa án nhân dân Tối cao.
- T Tòa án nhân dân cấp cao.
- Các toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Các Tòa án nhân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.
- Các Tòa án quân sự (Trung ương, khu vực)
- Các Tòa án khác do luật định.
- Tòa án đặc biệt (Trường hợp cần thiết, Quốc hội có thể quyết định thành lập)

2.2. 6. Viện Kiểm sát nhân dân

a. Chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân

- Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan bảo vệ pháp chế, nhằm để cho pháp luật XHCN được thực hiện nghiêm minh, thống nhất trên phạm vi cả nước.

Chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân:

- Thực hành quyền công tố.

- Kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

b. Tổ chức của Viện Kiểm sát nhân dân

Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh).

- Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện).

- Viện kiểm sát quân sự các cấp.

3. NGHỊ ĐỊNH SỐ SỐ 112/2011/NĐ-CP NGÀY 05/12/2011 QUY ĐỊNH VỀ CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ THÔNG TƯ SỐ 06/2012/TT-BNV NGÀY 30/10/2012 HƯỚNG DẪN VỀ CHỨC TRÁCH, TIÊU CHUẨN CỤ THỂ, NHIỆM VỤ VÀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Tập trung những vấn đề cơ bản sau

3.1. Tiêu chuẩn công chức cấp xã (Điều 3 ND 112)

3.1.1. Tiêu chuẩn chung

1. Đối với các công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

a) Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

b) Có năng lực tổ chức vận động nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

c) Có trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d) Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác.

2. Đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã: ngoài những tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng

nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3.1.2. Tiêu chuẩn cụ thể

* Các tiêu chuẩn cụ thể của công chức cấp xã được quy định tại Điều 2 Thông tư số 06/2012 TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ (viết tắt 06/2012), gồm:

3.1.2.1. Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP) và các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
- b) Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- c) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức được đảm nhiệm;
- d) Trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên;
- đ) Tiếng dân tộc thiểu số: Ở địa bàn công tác phải sử dụng tiếng dân tộc thiểu số trong hoạt động công vụ thì phải biết thành thạo tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn công tác đó; nếu khi tuyển dụng mà chưa biết tiếng dân tộc thiểu số thì sau khi tuyển dụng phải hoàn thành lớp học tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn công tác được phân công;
- e) Sau khi được tuyển dụng phải hoàn thành lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước và lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo chương trình đối với chức danh công chức cấp xã hiện đảm nhiệm.

3.1.2. 2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các chức danh này; trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định thì thực hiện theo khoản 1 Điều 2 Thông tư số 06/2012.

3.1.2.3. Căn cứ vào tiêu chuẩn của công chức cấp xã quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 06/2012 và căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được xem xét, quyết định:

- a) Giảm một cấp về trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn đối với công chức làm việc tại xã đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận thuộc khu vực miền núi, biên giới, hải đảo,

vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 06/2012;

b) Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã;

c) Thời gian để công chức cấp xã mới được tuyển dụng phải hoàn thành lớp học tiếng dân tộc thiểu số; lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước và lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 2 Thông tư số 06/2012.

3.1.2.4. Tiêu chuẩn cụ thể của công chức cấp xã quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 06/2012 là căn cứ để các địa phương thực hiện công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp lương, nâng bậc lương và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức cấp xã.

3.1.3. Chức trách (Điều 1 TT 06/2012)

Công chức xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã) làm công tác chuyên môn thuộc biên chế của Ủy ban nhân dân cấp xã, có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác được phân công và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

3.1.4. Nhiệm vụ của công chức cấp xã

3.1.4.1. Nhiệm vụ của công chức Trưởng Công an xã (Điều 3 TT 06/2012)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về công an xã và các văn bản có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao.

4. Đối với thị trấn chưa bố trí lực lượng công an chính quy thì Trưởng Công an thị trấn thực hiện nhiệm vụ như đối với Trưởng Công an xã quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này trên địa bàn thị trấn.

3.1.4.2. Nhiệm vụ của công chức Chỉ huy trưởng Quân sự (Điều 4 TT 06/2012)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của

Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ, quốc phòng toàn dân, nghĩa vụ quân sự và các văn bản có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

3.1.4.3. Nhiệm vụ của công chức Văn phòng - Thống kê (Điều 5 TT 06/2012)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Văn phòng, thống kê, tổ chức, nhân sự, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng và theo dõi việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, lịch làm việc định kỳ và đột xuất của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các kỳ họp; chuẩn bị các điều kiện phục vụ các kỳ họp và các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Tổ chức lịch tiếp dân, tiếp khách của Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” tại Ủy ban nhân dân cấp xã; nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết theo thẩm quyền; tổng hợp, theo dõi và báo cáo việc thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã và thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với công chức khác xây dựng và theo dõi việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổng hợp, thống kê, báo cáo tình hình phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã; dự thảo các văn bản theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

3.1.4.4. Nhiệm vụ của công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với

phường, thị trấn) hoặc công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) (Điều 6 TT 06/2012)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu và xây dựng các báo cáo về đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường và đa dạng sinh học, công tác quy hoạch, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức vận động nhân dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã;

c) Giám sát về kỹ thuật các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác nhận nguồn gốc, hiện trạng đăng ký và sử dụng đất đai, tình trạng tranh chấp đất đai và biến động về đất đai trên địa bàn; xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai và việc cấp phép cải tạo, xây dựng các công trình và nhà ở trên địa bàn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

3.1.4.5. Nhiệm vụ của công chức Tài chính - kế toán (Điều 7 TT 06/2012)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực tài chính, kế toán trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách cấp xã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách và các biện pháp khai thác nguồn thu trên địa bàn cấp xã;

b) Kiểm tra và tổ chức thực hiện các hoạt động tài chính, ngân sách theo hướng dẫn của

cơ quan tài chính cấp trên; quyết toán ngân sách cấp xã và thực hiện báo cáo tài chính, ngân sách theo đúng quy định của pháp luật;

c) Thực hiện công tác kế toán ngân sách (kế toán thu, chi ngân sách cấp xã, kế toán các quỹ công chuyên dùng và các hoạt động tài chính khác, kế toán tiền mặt, tiền gửi, kế toán thanh toán, kế toán vật tư, tài sản,...) theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với công chức khác quản lý tài sản công; kiểm tra, quyết toán các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

3.1.4.6. Nhiệm vụ của công chức Tư pháp - hộ tịch (Điều 8 TT 06/2012)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực tư pháp và hộ tịch trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Phổ biến, giáo dục pháp luật; quản lý tủ sách pháp luật, tổ chức phục vụ nhân dân nghiên cứu pháp luật và tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn cấp xã trong việc tham gia xây dựng pháp luật;

b) Kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định; tham gia công tác thi hành án dân sự trên địa bàn cấp xã;

c) Thực hiện nhiệm vụ công tác tư pháp, hộ tịch, chứng thực, chứng nhận và theo dõi về quốc tịch trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật; phối hợp với công chức Văn hóa - xã hội hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước ở thôn, tổ dân phố và công tác giáo dục tại địa bàn cấp xã;

d) Chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

3.1.4.7. Nhiệm vụ của công chức Văn hóa - xã hội (Điều 9 TT 06/2012)

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Văn hóa, thể dục thể thao, du lịch, thông tin,

truyền thông, lao động, thương binh, xã hội, y tế, giáo dục theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức, theo dõi và báo cáo về các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, y tế và giáo dục trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư và xây dựng gia đình văn hóa trên địa bàn cấp xã;

b) Thực hiện các nhiệm vụ thông tin, truyền thông về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương;

c) Thống kê dân số, lao động, việc làm, ngành nghề trên địa bàn; theo dõi, tổng hợp, báo cáo về số lượng và tình hình biến động các đối tượng chính sách lao động, thương binh và xã hội; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện và chi trả các chế độ đối với người hưởng chính sách xã hội và người có công; quản lý nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ; thực hiện các hoạt động bảo trợ xã hội và chương trình xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn cấp xã;

d) Chủ trì, phối hợp với công chức khác và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước ở thôn, tổ dân phố và thực hiện công tác giáo dục tại địa bàn cấp xã.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

4. TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(Được quy định tại Chương III Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ quy định về công chức xã, phường, thị trấn)

4.1. Căn cứ tuyển dụng (Điều 5)

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm theo từng chức danh, báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) để phê duyệt và tổ chức tuyển dụng theo quy định tại Nghị định này.

Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu rõ số lượng chức danh công chức cấp xã được giao, số lượng công chức hiện có và số lượng công chức còn thiếu so với số được giao theo từng chức danh, điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã.

4.2. Điều kiện đăng ký dự tuyển (Điều 6)

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Cán bộ, công chức. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác quy định tại điểm g khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển trong kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi tuyển dụng.

2. Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này, chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Trưởng Công an xã phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

4.3. Phương thức tuyển dụng (Điều 7)

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

a) Thực hiện việc tuyển dụng thông qua thi tuyển, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và Điều 21 Nghị định này;

b) Đối với các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có thể thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã:

Thực hiện việc xét tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Việc bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã.

4.4. Ưu tiên trong tuyển dụng (Điều 8)

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh: được cộng 30 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước

tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, nghĩa vụ dân quân tự vệ, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên; người có thời gian giữ chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố liên tục từ 03 năm trở lên: được cộng 10 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả thi tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này hoặc kết quả xét tuyển theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định 112/2012./.